

Số: 159/CV-NHCS

Như Thanh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

V/v cho vay hỗ trợ tạo việc làm,  
duy trì và mở rộng việc làm

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân các xã Như Thanh, Mậu Lâm, Xuân Du,  
Yên Thọ, Thanh Kỳ và Xuân Thái.

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

Thực hiện Công văn số 11055/HD-NHCS ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH Như Thanh báo cáo Ủy ban Nhân dân các xã nêu trên một số nội dung chính trong chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn. (chi tiết theo phụ lục gửi kèm).

Kính đề nghị Ủy ban Nhân dân các xã chỉ đạo các phòng ngành liên quan, các Tổ chức Chính trị - xã hội nhận ủy thác, Tổ Tiết kiệm và vay vốn phối hợp cùng Phòng giao dịch NHCSXH Như Thanh tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung Nghị định số 338/2025/NĐ-CP của Chính phủ, nội dung Văn bản số 11055/HD-NHCS của Tổng Giám đốc NHCSXH đến đối tượng thụ hưởng, Tổ Tiết kiệm và vay vốn, Tổ chức Chính trị - xã hội nhận ủy thác, cán bộ Ủy ban Nhân dân cấp xã để thực hiện cho vay đúng đối tượng, đủ điều kiện, đúng mục đích, rõ ràng, công khai và minh bạch.

(gửi kèm văn bản số 11055/HD-NHCS của Tổng Giám đốc NHCSXH)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: NHCSXH.



**Nguyễn Văn Tiến**

**Phụ lục: Thông tin một số nội dung chính về chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:**

**1) Đối tượng vay vốn**

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

- Người lao động.

- Đối với nguồn vốn tổ chức, cá nhân ủy thác cho NHCSXH thì tổ chức, cá nhân ủy thác quyết định đối tượng vay vốn.

**2) Điều kiện vay vốn**

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: (1) Có phương án sử dụng vốn vay khả thi phù hợp với ngành, nghề sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; (2) Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH (nếu có).

- Đối với người lao động: (1) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; (2) Có phương án sử dụng vốn vay để tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

**3) Mức cho vay**

- Đối với người lao động tối đa là 200 triệu đồng.

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

**4) Lãi suất cho vay**

Lãi suất cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; người lao động bằng 127% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo (hiện nay là 7,9248%/năm).

Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo đối với các trường hợp cụ thể quy định tại điểm 7.2 khoản 7 văn bản 11055/HD-NHCS.

**5) Hiệu lực thi hành**

Kể từ ngày 01/01/2026.

Số: 11055/HD-NHCS

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

## HƯỚNG DẪN

### Nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm như sau:

#### 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm theo Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

##### 1.2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng vay vốn được quy định tại khoản 2 văn bản này.

b) Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### 2. Đối tượng vay vốn

2.1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

2.2. Người lao động.

2.3. Đối với nguồn vốn tổ chức, cá nhân ủy thác cho NHCSXH thì tổ chức, cá nhân ủy thác quyết định đối tượng vay vốn.

Đối tượng vay vốn tại khoản này gọi chung là khách hàng vay vốn.

#### 3. Nguyên tắc vay vốn

3.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

3.2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.

#### 4. Điều kiện vay vốn

##### 4.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

a) Có phương án sử dụng vốn vay khả thi phù hợp với ngành, nghề sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

b) Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH (nếu có).

##### 4.2. Đối với người lao động

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b) Có phương án sử dụng vốn vay để tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

#### 5. Mức cho vay

5.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức cho vay tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

5.2. Đối với người lao động, mức cho vay tối đa là 200 triệu đồng.

5.3. Trường hợp điều kiện kinh tế – xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức cho vay tối đa cao hơn mức cho vay quy định tại điểm 5.1 và điểm 5.2 khoản này đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

5.4. Tổng dư nợ các phương án vay vốn với mục đích hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm của cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc người lao động tại NHCSXH tại cùng một thời điểm không vượt mức cho vay tối đa theo quy định tại điểm 5.1, điểm 5.2 hoặc điểm 5.3 khoản này.

5.5. Căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn, NHCSXH thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức cho vay cụ thể.

#### 6. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa là 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn để thỏa thuận với khách hàng vay vốn.

#### 7. Lãi suất cho vay

7.1. Lãi suất cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; người lao động bằng 127% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay là 7,9248%/năm).

7.2. Các trường hợp sau đây được cho vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay là 6,24%/năm):

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên thuộc ít nhất một trong các đối tượng sau: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo.

c) Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Người lao động là người khuyết tật; người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng; người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.

đ) Đối tượng khác do Chính phủ quyết định căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và yêu cầu cho vay vốn giải quyết việc làm.

7.3. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các đối tượng khác đối tượng quy định tại điểm 7.2 khoản này được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn.

7.4. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay theo quy định tại điểm 7.1 và 7.2 khoản này.

## 8. Điều kiện bảo đảm tiền vay

8.1. Đối với mức vay trên 200 triệu đồng, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của NHCSXH.

8.2. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay cao hơn mức vay quy định tại điểm 8.1 khoản này.

## 9. Phương thức cho vay

### 9.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay. Cơ sở sản xuất, kinh doanh có phương án sử dụng vốn vay tại địa điểm kinh doanh được lập/đăng ký theo quy định của pháp luật thuộc địa bàn do NHCSXH nơi cho vay quản lý.

### 9.2. Đối với người lao động

NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội nơi người lao động cư trú. Người lao động có phương án sử dụng vốn vay thuộc địa bàn do NHCSXH nơi cho vay quản lý.

## 10. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

### 10.1 Hồ sơ vay vốn

#### a) Hồ sơ do cơ sở sản xuất, kinh doanh lập và cung cấp

- Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 02/GQVL).

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động như sau:

+ Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; đối với Liên hiệp Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; đối với Tổ hợp tác là Giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác; đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; giấy phép kinh doanh có điều kiện hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

+ Căn cước/căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực: văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về việc thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH (nếu có). Đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện Tổ hợp tác, hộ kinh doanh thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH.

- Bản sao có chứng thực: Điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã (nếu có).

- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã: Bản gốc/Bản chính Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

- Bản gốc/Bản chính Danh sách người lao động của cơ sở sản xuất, kinh doanh (mẫu số 09/GQVL).

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo quy định tại tiết a điểm 7.2 khoản 7 văn bản này:

Giấy xác nhận khuyết tật đối với người lao động là người khuyết tật; Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù đối với người lao động là người đã chấp hành xong án phạt tù; Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc hoặc bản chụp thông tin về dân tộc tại tài khoản định danh điện tử mức độ 02 đối với người lao động là người dân tộc thiểu số.

- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay trong trường hợp khoản vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.

b) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn (mẫu số 03/GQVL).

- Báo cáo thẩm định (mẫu số 05/GQVL).

- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/GQVL).

- Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/GQVL).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, cơ sở sản xuất kinh doanh cùng lập: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07a/GQVL).

d) Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH (nếu có).

10.2. Quy trình, thủ tục cho vay

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh gửi hồ sơ quy định tại tiết a điểm 10.1 khoản 10 văn bản này tới NHCSXH nơi cho vay.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn của cơ sở sản xuất, kinh doanh, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, lập Báo cáo thẩm định (mẫu số 05/GQVL), trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. Đồng thời lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/GQVL) gửi cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/GQVL) gửi cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Sau khi có kết quả phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất, kinh doanh lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07a/GQVL).

- Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay, NHCSXH nơi cho vay và bên thế chấp thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và NHCSXH.

- Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao cho bộ phận kế toán để thực hiện giải ngân cho cơ sở sản xuất, kinh doanh.

## 11. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với người lao động

### 11.1. Hồ sơ vay vốn

#### a) Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp

- Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 01/GQVL).

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh đối với người lao động thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo quy định tại tiết b, c, d điểm 7.2 khoản 7 văn bản này:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo: Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về dân tộc của khách hàng vay vốn trong ứng dụng VNeID; in bản chụp thông tin về dân tộc, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn: Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về nơi ở hiện tại và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về nơi ở hiện tại của khách hàng vay vốn trong ứng dụng VNeID; in bản chụp thông tin về nơi ở hiện tại, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động là người khuyết tật: Giấy xác nhận khuyết tật.

+ Người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng hoặc giấy xác nhận khuyết tật đặc biệt nặng; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền chứng minh về thông tin thành viên hộ gia đình, cư trú đối với người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về thành viên hộ gia đình có cùng thông tin cư trú trong ứng dụng VneID; in bản chụp thông tin cư trú, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng hoặc quyết định nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.

b) Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD).

- Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập: Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

d) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng vay vốn cùng lập: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07b/GQVL).

### 11.2. Quy trình, thủ tục cho vay

- Khách hàng gửi hồ sơ quy định tại tiết a điểm 11.1 khoản 11 văn bản này cho Tổ TK&VV tại nơi khách hàng đang cư trú hợp pháp.

Nếu khách hàng chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên, kể cả trường hợp khách hàng vay vốn thuộc hộ gia đình mà hộ gia đình đó đã là thành viên của Tổ TK&VV.

- Tổ TK&VV nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng vay vốn, tiến hành họp tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, sau đó lập Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm Phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/GQVL) trình UBND cấp xã xác nhận, sau đó gửi đến NHCSXH nơi cho vay.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

- NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) cho UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng. Nếu phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07b/GQVL) và thông báo khách hàng đến trụ sở NHCSXH hoặc điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay.

## 12. Tài khoản của khách hàng vay vốn mở tại NHCSXH

12.1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay. Việc mở tài khoản thanh toán được thực hiện theo quy định của NHCSXH. Thời điểm mở tài khoản thanh toán thực hiện trước khi NHCSXH nơi cho vay giải ngân.

12.2. Đối với người lao động thực hiện mở tài khoản tổ viên Tổ TK&VV theo quy định của NHCSXH.

### 13. Giải ngân

#### 13.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

NHCSXH nơi cho vay giải ngân bằng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của khách hàng vay vốn.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh có thể đề nghị giải ngân một hay nhiều lần theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Mỗi lần giải ngân, cơ sở sản xuất, kinh doanh viết Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 10/GQVL) gửi NHCSXH nơi cho vay làm căn cứ phê duyệt giải ngân.

13.2. Đối với người lao động: NHCSXH nơi cho vay giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của khách hàng vay vốn.

### 14. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi

#### 14.1. Định kỳ hạn trả nợ gốc

a) Đối với cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

b) Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng đến 60 tháng: định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 24 tháng/kỳ.

c) Đối với cho vay có thời hạn trên 60 tháng: định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 36 tháng/kỳ.

d) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh nhận tiền vay nhiều lần, việc định kỳ hạn trả nợ gốc được xác định kể từ ngày khách hàng nhận tiền vay lần đầu tiên. Khi khách hàng nhận tiền vay lần cuối cùng của khoản vay, nếu số tiền vay thấp hơn số tiền đã được phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận điều chỉnh lại số tiền phải trả của các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc thời hạn cho vay và ghi vào phụ lục Hợp đồng tín dụng phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

14.2. Kỳ hạn trả lãi: Định kỳ trả lãi theo tháng. Nếu khách hàng vay vốn chưa trả hết lãi của kỳ này thì chuyển sang thu vào kỳ kế tiếp.

### 15. Thu nợ gốc, thu lãi

15.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại NHCSXH để thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

15.2. Đối với người lao động, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và cách thức thực hiện theo quy định của NHCSXH.

### 15.3. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ gốc trước hạn.

Trường hợp khách hàng vay vốn trả nợ gốc trước hạn:

- Khách hàng vay vốn nộp tiền vào tài khoản thanh toán, NHCSXH nơi cho vay hướng dẫn khách hàng vay vốn ghi rõ nội dung: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” trên Giấy nộp tiền vào tài khoản thanh toán của khách hàng vay vốn mở tại NHCSXH nơi cho vay và thực hiện thu nợ theo đề nghị.

- Khách hàng vay vốn chuyển khoản vào tài khoản thanh toán, NHCSXH nơi cho vay hướng dẫn khách hàng vay vốn ghi rõ nội dung chuyển khoản: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông tin cho NHCSXH nơi cho vay làm cơ sở thực hiện thu nợ theo đề nghị.

15.4. Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay thực hiện theo quy định của NHCSXH.

## 16. Kiểm tra, giám sát

### 16.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân lần cuối, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Kết quả kiểm tra phải ghi vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/GQVL). Trường hợp khách hàng vay vốn đề nghị giải ngân nhiều lần, căn cứ hồ sơ đề nghị giải ngân của khách hàng (đề nghị giải ngân lần thứ hai trở đi), cán bộ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công tiến hành kiểm tra và ghi nhận kết quả kiểm tra vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/GQVL), nếu đủ điều kiện thì tiến hành giải ngân và đề nghị khách hàng ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay.

- NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, hiện trạng tài sản bảo đảm (nếu có) nhằm đôn đốc cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

### 16.2. Đối với người lao động

Thực hiện theo các quy định hiện hành về nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

16.3. Đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, khách hàng vay vốn có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu hóa đơn/chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/GQVL) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD) đối với người lao động.

16.4. Việc thực hiện kiểm tra giám sát của chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh đối với Phòng giao dịch NHCSXH và bộ phận cho vay tại hội sở NHCSXH cấp tỉnh, ngoài việc thực hiện kiểm tra theo quy định, đối với những món vay từ 02 tỷ đến 10 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 180 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay giải ngân lần cuối cùng.

Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, thủ tục cho vay; tính đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp của Hồ sơ vay vốn, Hồ sơ tài sản bảo đảm; kiểm tra thực tế việc sử dụng vốn vay của khách hàng, hiện trạng tài sản bảo đảm và kiểm tra các nội dung liên quan khác.

16.5. Ngoài ra, NHCSXH nơi cho vay có thể kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH nơi cho vay.

## 17. Xử lý nợ đến hạn

### 17.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, thì trước ít nhất 05 ngày đến kỳ hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (mẫu số 08/GQVL) gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn của 01 kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được NHCSXH nơi cho vay phê duyệt được lưu tại bộ phận kế toán.

b) Đối với người lao động chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi thu vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

### 17.2. Gia hạn nợ

- Thời gian gia hạn nợ tối đa là 12 tháng đối với các khoản cho vay ngắn hạn và tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản cho vay trung và dài hạn (tính theo thời gian cho vay ban đầu khi ký kết vay vốn).

- Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, khách hàng không có khả năng trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, khách hàng lập Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD hoặc 09B/TD) theo quy định của NHCSXH gửi NHCSXH nơi cho vay.

### 17.3. Chuyển nợ quá hạn

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà khách hàng vay vốn chưa trả được nợ, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo cho khách hàng vay vốn mẫu số 14/GQVL áp dụng đối với phương thức cho vay trực tiếp tại NHCSXH nơi cho vay, mẫu số 14/TD áp dụng cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

- Thông báo chuyển nợ quá hạn được lưu tại bộ phận kế toán.

### 18. Xử lý các vi phạm

NHCSXH căn cứ vào kết quả kiểm tra mức độ vi phạm ghi trong Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/GQVL, mẫu số 06/TD, mẫu số 06A/TD để quyết định xử lý như sau:

18.1. Tạm dừng cho vay: khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

#### 18.2. Chấm dứt cho vay

- Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay (mẫu số 15/GQVL), NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

- Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chấm dứt cho vay do người vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

#### 18.3. Chuyển nợ quá hạn

- Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, NHCSXH nơi cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp đề đôn đốc, yêu cầu khách hàng vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng vay vốn (mẫu số 14/GQVL hoặc 14/TD). Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn được lưu tại bộ phận kế toán.

#### 18.4. Thu hồi nợ trước hạn

NHCSXH có quyền thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn hoặc Bên thứ ba là cá nhân (trong trường hợp khoản vay được bảo đảm tài sản của Bên thứ ba) bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Khách hàng vay vốn cung cấp sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có), không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các tài liệu/chứng từ chứng minh liên quan đến việc sử dụng vốn vay, không phối hợp với NHCSXH nơi cho vay trong quá trình kiểm tra, giám sát sau cho vay.

- Khách hàng vay vốn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên cho vay liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp đồng Tín dụng, Hợp đồng bảo đảm (nếu có).

- Khách hàng vay vốn vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước, căn cứ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc NHCSXH phải thu hồi nợ trước hạn hoặc NHCSXH phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay.

#### 18.5. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn của kỳ hạn nợ cuối cùng hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

#### 18.6. Khởi kiện trước pháp luật: NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Khách hàng vay vốn có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng; khách hàng vay vốn có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận.

- Khách hàng vay vốn có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

#### 19. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

#### 20. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Việc hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

## 21. Tổ chức thực hiện

21.1. Chế độ báo cáo thống kê: việc báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định của NHCSXH. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu, Hội sở chính NHCSXH (Ban Kế hoạch Nguồn vốn) gửi Cục Việc làm, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại tiết c khoản 7 Điều 35 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

21.2. Khách hàng vay vốn đã nộp hồ sơ vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được phê duyệt cho vay thì thực hiện theo quy định tại văn bản này.

21.3. Trường hợp khách hàng vay vốn đang còn dư nợ mà thuộc đối tượng, đủ điều kiện, có nhu cầu thì tiếp tục được xem xét cho vay với mức cho vay theo quy định tại Khoản 5 và quy định về nghiệp vụ cho vay theo văn bản này.

21.4. NHCSXH các cấp có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung Nghị định số 338/2025/NĐ-CP; tập huấn nghiệp vụ theo nội dung văn bản này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội, Tổ trưởng Tổ TK&VV và cán bộ UBND cấp xã. Đồng thời báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp để triển khai thực hiện.

21.5. Đối với nguồn vốn do NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, NHCSXH nơi nhận ủy thác căn cứ vào quy định Luật Việc làm số 74/2025/QH15, Nghị định số 338/2025/NĐ-CP, các văn bản, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền và nội dung văn bản này để tham mưu, thỏa thuận với bên ủy thác cho phù hợp.

## 22. Hiệu lực thi hành

22.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và thay thế văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV. Các văn bản có nội dung trái với nội dung văn bản này đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày văn bản này có hiệu lực.

22.2. Những điểm không hướng dẫn tại văn bản này, NHCSXH thực hiện theo quy định tại Luật Việc làm số 74/2025/QH15, Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

22.3. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật thì NHCSXH thực hiện theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH (qua Ban Tín dụng Học sinh sinh viên và Các đối tượng chính sách khác) xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ
- Ngân hàng Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- Tổng LĐLĐVN (đề p/hợp);
- LMHTXVN (đề p/hợp);
- HNMVN (đề p/hợp);
- Hội LHPN, HCCB, HND, ĐTN (đề p/hợp);
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BGD HĐQT NHCSXH cấp tỉnh;
- TGD, TBKS NHCSXH;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

(đề b/c)

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Văn Minh**